

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 63/2024/HNGĐ- ST

Ngày 03-7-2024

V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Khiếu

- Ông Hoàng Văn Yên

Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hùng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên toà: Bà Diễm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2024/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 19-6-2024:

Nguyên đơn: Chị Lộc Thị T, sinh năm 1997- Có mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Lường Văn B, sinh năm 1992- Có mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Y

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Lục Yên- Bắc Yên Bái; người được ủy quyền thường xuyên: Ông Phạm Kiều H- Giám đốc- Vắng mặt; người được ủy quyền lại: Ông Phạm Quang T- Phó giám đốc ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn- Chi nhánh huyện Lục Yên- Bắc Yên Bái - Có mặt

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Y

- Ông Lường Văn T, sinh năm 1946- Có mặt; bà Hoàng Thị G, sinh năm 1957- Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 02 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lộc Thị T trình bày: Chị T và anh Lương Văn B có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, ở tại Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Y, do trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nên anh chị không đến Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn. Nay anh chị không có đăng ký kết hôn. Chị T và anh B chung sống hòa thuận đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh B không chịu làm ăn chăm lo cuộc sống gia đình, Chị T có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh B không thay đổi. Nay chị T xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị T và anh B có ba con chung tên là Lương Văn C, sinh ngày 21-10-2013, Lương Văn L, sinh ngày 28-02-2015 và Lương Văn G, sinh ngày 13-4-2018, Sau khi ly hôn chị T đề nghị anh Lương Văn B trực tiếp nuôi ba con chung Lương Văn C, Lương Văn L và Lương Văn G. Về việc cấp dưỡng chị T và anh B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T và anh B có 01 xe mô tô honda nhãn hiệu VISION, BKS 21C1- 361.77, mua cuối năm 2022, mang tên Lộc Thị T, trị giá hiện nay 25.000.000 đồng chị T nhất trí để anh B quản lý, sử dụng

Về khoản nợ: Ngày 13 tháng 9 năm 2023 chị T đứng ra ký vào hợp đồng vay tiền với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Lục Yên- Bắc Yên Bái (tên gọi khác: Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Lục Yên- Bắc Yên Bái) số tiền 60.000.000 đồng, có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lương Văn T. Khi ly hôn chị T nhận trả 10.000.000 đồng, anh B trả 50.000.000 đồng lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng.

Bị đơn anh Lương Văn B trình bày: Anh B và chị Lộc Thị T có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, ở tại Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Y, do trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nên anh chị không đến Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn. Nay anh chị vẫn không có đăng ký kết hôn. Anh B và chị T chung sống hòa thuận đến ngày 12 tháng 02 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T bỏ nhà đi đâu anh B không biết, Anh B có liên lạc điện thoại bảo chị T về nhà nhưng chị T không về. Nay anh B xác định tình cảm với chị T vẫn còn đề nghị chị T quay về cùng anh nuôi dạy con chung và phát triển kinh tế gia đình.

Về con chung: Anh B và chị T có ba con chung tên là Lương Văn C, sinh ngày 21-10-2013, Lương Văn L, sinh ngày 28-02-2015 và Lương Văn G, sinh ngày 13-4-2018. Sau khi ly hôn anh B trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung Lương Văn C, Lương Văn L và Lương Văn G. Về việc cấp dưỡng anh B và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Anh B và chị T có một xe mô tô honda nhãn hiệu VISION, BKS 21C1- 361.77, mua cuối năm 2022, mang tên Lộc Thị T, trị giá hiện nay 25.000.000 đồng anh B yêu cầu anh được sử dụng.

Về Nợ chung: Ngày 13 tháng 9 năm 2023 chị T đứng ra ký vào hợp đồng vay tiền với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Lục Yên- Bắc Yên Bái 60.000.000 đồng, có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lương Văn T. Khi ly hôn chị T có trách nhiệm trả 10.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận; anh B nhận trả 50.000.000 đồng lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Lục Yên Bắc Yên Bái; người được ủy quyền lại: Ông Phạm Quang T- Phó giám đốc trình bày: Bà Lộc Thị T (là người đại diện vay vốn theo giấy ủy quyền ngày 13-9-2023) có lập hồ sơ đề nghị vay vốn và đã được Agribank chi nhánh huyện L- Bắc Yên Bái chấp thuận, tiến hành cùng ký kết hợp đồng, cam kết và các giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật, của ngành và của Agribank cụ thể: Hợp đồng tín dụng số: 8707LAV202302258 ngày 13-9-2023 đã ký giữa Agribank chi nhánh huyện L- Bắc Yên Bái và bà Lộc Thị T số tiền vay 60.000.000 đồng. Mục đích vay để mua trâu cái sinh sản. Thời gian cho vay 36 tháng, lãi suất 12%/năm từ ngày 13-9-2023 đến 13-9-2026 và được phân thành hai kỳ trả nợ. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 60.000.000 đồng cho bà Lộc Thị T vào ngày 13-9-2023. Đảm bảo cho khoản vay trên khách hàng cam kết thực hiện bảo đảm bằng tài sản (có xác nhận của chính quyền địa phương): Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 662929 cấp ngày 14-8-2000 diện tích đất ở tại nông thôn 7.6000 m²; nhà ở, nhà sản gỗ 03 gian. Tình hình dư nợ đến hết ngày 13-6-2024: Nợ gốc: 60.000.000 đồng; nợ lãi là 1,320,000 đồng. Nay ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Lục Yên Bắc Yên Bái yêu cầu anh B, chị T phải trả gốc và lãi theo như hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng. Sau khi trả nợ xong ngân hàng có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lương Văn T cho anh Lương Văn B.

- Ông Lương Văn T, bà Hoàng Thị G trình bày: Ngày 13/9/2023 ông T và bà G có ủy quyền cho Vợ chồng anh B mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T đến ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Lục Yên Bắc Yên Bái để làm thủ tục vay 60,000,000 đồng. Số tiền này vợ chồng anh B và chị T sử dụng, ông T và bà Giáng không được sử dụng số tiền vay này. Nay chị T và anh B ly hôn ông T và bà Giáng yêu cầu anh B, chị T có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng xong thì lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại cho ông T và bà Giáng.

Ngày 13-6-2023 Tòa án nhân dân huyện L đã tiến hành hòa giải các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53, 59, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh Biểu; công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự: Anh B được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung là Lường Văn C, Lường Văn L và Lường Văn G; về tài sản chung: Anh B được sử dụng, sở hữu 01 xe mô tô honda nhãn hiệu VISION, BKS 21C1- 361.77 mang tên Lộc Thị T trị giá 25.000.000 đồng; về khoản nợ Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam- Chi nhánh huyện L Bắc Yên Bái: Anh B có nghĩa vụ trả 50.000.000 đồng lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng; chị T có nghĩa vụ trả 10.000.000 đồng lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng; chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng và án phí khoản trả nợ 250.000 đồng; anh B phải chịu án phí dân sự phần giá trị xe mô tô được sử dụng 625.000 đồng và án phí khoản trả nợ 1.250.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lộc Thị T và anh Lường Văn B có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, ở tại Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Y, Nhưng chị T và anh B không có đăng ký kết hôn. Chị T có yêu cầu xin ly hôn anh B, căn cứ vào các quy định của luật Hôn nhân và gia đình để xem xét mối quan hệ giữa hai người, xét thấy: Việc chị T và anh B có quan hệ chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 14 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này;.....”. Do đó yêu cầu này của chị T có căn cứ được chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Chị T và anh B có ba con chung tên là Lường Văn C, sinh ngày 21-10-2013, Lường Văn L, sinh ngày 25-02-2015 và Lường Văn G, sinh ngày 13-4-2018. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T và anh B thỏa thuận: Anh B được trực tiếp nuôi ba con chung Lường Văn C, Lường Văn L và Lường Văn G. Xét thấy: Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội được Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vấn đề này không đặt ra nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] *Về tài sản chung*: Anh B và chị T có một xe mô tô honda nhãn hiệu VISION, BKS 21C1- 361.77, mua cuối năm 2022, mang tên Lộc Thị T, trị giá hiện nay 25.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên hòa giải chị T và anh B thỏa thuận anh B được quản lý sử dụng chiếc xe này. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội được Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[6] *Về khoản nợ*: Ngày 13-9-2023 chị T đứng ra vay tiền tại ngân hàng Agribank chi nhánh huyện L Bắc Yên Bái 60.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, thời hạn trả nợ 13-9-2026. Tính đến ngày 13-6-2024 số tiền nợ gốc còn 60.000.000 đồng, lãi 1.320.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên hòa giải ngày 13-6-2024 chị T, anh B thỏa thuận chị T có trách nhiệm trả ngân hàng 10.000.000 đồng và lãi suất phát sinh; anh B có trách nhiệm trả ngân hàng 50.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Sau khi anh B, chị T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng anh B được quyền đến ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Lục Yên Bắc Yên Bái lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 662929 cấp ngày 14-8-2000 diện tích 7.6000 m² để trả lại cho ông Lường Văn T. Sự thỏa thuận này của chị T và anh B được đại diện của ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Lục Yên Bắc Yên Bái ông Phạm Quang T đồng ý. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội được Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[7] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 “*Các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án trong trường hợp Tòa án tiến hành hòa giải trước khi mở phiên tòa thì phải chịu 50% mức án phí.....*”

- Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng và án phí về nghĩa vụ trả nợ ngân hàng 10.000.000 đồng x 2,5% = 250.000 đồng;

- Anh B phải chịu án phí phân tài sản được chia 01 chiếc xe mô tô honda nhãn hiệu VISION trị giá 25.000.000 đồng x 2,5% = 625.000 đồng và án phí phân nghĩa vụ trả nợ ngân hàng 50.000.000 đồng x 2,5% = 1.250.000 đồng;

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Lục Yên Bắc Yên Bái không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

[8] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 16, khoản 2 Điều 53, 59, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 147, 212, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- *Về quan hệ hôn nhân xử*: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lộc Thị T và anh Lương Văn B.

2- *Về con chung công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau*: Anh Lương Văn B được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung là Lương Văn C, sinh ngày 21-10-2013, Lương Văn L, sinh ngày 28-02-2015 và Lương Văn G, sinh ngày 13-4-2018. Về việc cấp dưỡng chị T và anh B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh Lương Văn B được quản lý sử dụng 01 xe mô tô honda nhãn hiệu VISION, BKS 21C1- 361.77, mua cuối năm 2022 trị giá 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Về khoản nợ:

- Chị Lộc Thị T có nghĩa vụ trả ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Lục Yên, Bắc Yên Bái số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 8707LAV202302258 ngày 13-9-2023.

- Anh Lương Văn B phải có nghĩa vụ trả ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Lục Yên, Bắc Yên Bái số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 8707LAV202302258 ngày 13-9-2023.

- Sau khi chị Lộc Thị T và anh Lương Văn B thanh toán xong khoản nợ gốc 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và lãi suất theo hợp đồng đối với ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Lục Yên Bắc Yên Bái, anh Lương Văn B có trách nhiệm đến ngân hàng lấy lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 662929 cấp ngày 14-8-2000 diện tích 7.6000 m² mang tên hộ ông Lương Văn T để trả lại cho gia đình ông Lương Văn T, bà Hoàng Thị G.

3- Về án phí:

- Chị Lộc Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí về nghĩa vụ trả nợ 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền 2.425.000 đồng (hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo các biên lai số: AA/2023/0001641 ngày 27-02-2024; biên lai số: AA/2023/0001654 ngày 12-3-2024 và biên lai số: AA/2023/0001660 ngày 14-3-2024 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị T được hoàn lại 1.875.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Anh Lường Văn B phải chịu án phí dân sự 625.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) về phần giá trị tài sản được hưởng và 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) về phần nghĩa vụ trả nợ.

4- Quyền kháng cáo:

- Chị Lộc Thị T, anh Lường Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Lục Yên, Bắc Yên Bái, ông Lường Văn T được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- bà Hoàng Thị G được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
- UBND xã Minh Xuân
- Các đương sự (05);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh